

Số: 27 /2014/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 17 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc qui định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật hòa giải và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước hiện hành;

Căn cứ Luật phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp, qui định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp, qui định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2014/NQ-HĐND15 ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương qui định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật hòa giải và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

1. Các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi hội nghị, công tác phí và chi tiếp khách áp dụng theo Quyết định số 09 /2012/QĐ-UBND ngày 28/02/2012 của UBND tỉnh Hải Dương.

11

2. Các khoản chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Giao cho Giám đốc Sở Tài chính phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các cấp; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Uly

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo-Tin học (VPUBND tỉnh);
- Lưu: VT, Thư (80b)

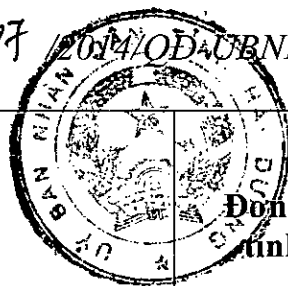


Nguyễn Mạnh Hiến

1000

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Hải Dương)



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Tỉnh	Huyện	Xã	
1	Xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
a	Xây dựng đề cương	Đề cương	1500	1200		Tùy theo quy mô, tính chất và nhiệm vụ của Chương trình, Đề án, Kế hoạch để xác định mức chi cho phù hợp; đây là mức chi tối đa.
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Chương trình, Đề án, Kế hoạch	2000	1600		
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý					
	Chủ trì	Người/buổi	120	100		
	Thành viên mời dự	Người/buổi	100	70		
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	200	150		
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch					
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	120	100		
	Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/buổi	100	80		
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	70		
	Nhận xét, phân biện của Hội đồng	Bài viết	120	100		
	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	100	80		

27

c	Lấy ý kiến thẩm định	Bài viết	300	200		Trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch
d	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Văn bản	500	300		
2	Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, người được mời tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; thù lao cộng tác viên, chuyên gia tham gia các hoạt động đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật					
a	Thù lao báo cáo viên cấp trung ương, cấp tỉnh	Người/buổi				Áp dụng chế độ thù lao giảng viên quy định tại tiểu mục 1.1 mục 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 .
b	Thù lao báo cáo viên cấp huyện, xã, tuyên truyền viên, cộng tác viên thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn và tham gia các đợt phổ biến pháp luật lưu động, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi		300	200	Tùy theo trình độ của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, hướng dẫn , đây là mức chi tối đa.
3	Biên soạn một số tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật đặc thù					Tùy theo Nội dung, mức độ, chất lượng của tác phẩm, câu chuyện, tờ gấp pháp luật ... để qui định mức chi cụ thể , đây là mức chi tối đa cho các nội dung này .
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	800			
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống, đã hoàn thành	250			
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	1000			
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	4000			



4	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt					
	Chi hỗ trợ tiền ăn, cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày	30	30	30	Thời gian không quá 1 ngày
	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt	Người/buổi	10	10	10	
5	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi					
a	Chi tổ chức cuộc thi bao gồm: biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức và một số nội dung chi khác					Áp dụng Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGD&ĐT
b	Đối với cuộc thi qua mạng điện tử việc thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá					Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính
c	Chi giải thưởng					Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi để quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt định mức chi tối đa quy định tại điểm này
	- Giải nhất	Giải thưởng				
	+ Tập thể		5000	3000		
	+ Cá nhân		3000	1500		
	- Giải nhì	Giải thưởng				
	+ Tập thể		3000	2000		
	+ Cá nhân		2000	1000		
	- Giải ba	Giải thưởng				
	+ Tập thể		2000	1000		
	+ Cá nhân		1000	500		
	- Giải khuyến khích	Giải thưởng				
	+ Tập thể		1000	800		
	+ Cá nhân		500	300		
	- Giải phụ khác		500	300		

6	Chi hỗ trợ hoạt động truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật trên đài phát thanh xã, phường, thị trấn, loa truyền thanh cơ sở					
a	Biên soạn, biên tập tài liệu phát thanh	Trang			50	Tính theo trang chuẩn 350 từ một trang văn bản
b	Bồi dưỡng phát thanh	Lần			15	
7	Chi phục vụ trực tiếp việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật					Theo Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ
8	Chi khen thưởng xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã, phường); quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là quận, huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là tỉnh, thành phố)					Áp dụng theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành,
9	Chi công tác hòa giải ở cơ sở (bao gồm chi tài liệu, vật tư văn phòng phẩm, số sách, thù lao, ...)	Tổ/năm			500	

100